TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 363/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Phó

2/ Ông Phạm Thành Trại

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Đoàn Thị P**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: ấp LB, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P có mặt; anh T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1988 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẩn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cải vả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1988 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị P yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1986, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T xin vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021 anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và Chị P chung sống với nhau cách nay đã lâu, anh không nhớ rõ thời gian nào, chỉ nhớ khoảng 30 năm trước. Anh và Chị P chung sống như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Sau đó cả hai không hòa hợp và đã không còn chung sống với nhau nữa. Hiện anh T và Chị P đều có gia đình mới. Do đó, nay Chị P yêu cầu ly hôn với anh thì anh không có ý kiến gì.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1986, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Thị P và anh Nguyễn Hữu T. Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Nguyễn Hữu T xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[**2**] – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Đoàn Thị P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị P và anh T xác lập hôn nhân vào năm 1984 là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị P và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Đoàn Thị P và anh Nguyễn Hữu T.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh T có một con chung tên Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1986, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T trình bày thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chị P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Thị P và anh Nguyễn Hữu T.

2/ Về án phí: Chị Đoàn Thị P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004087 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Chinh